

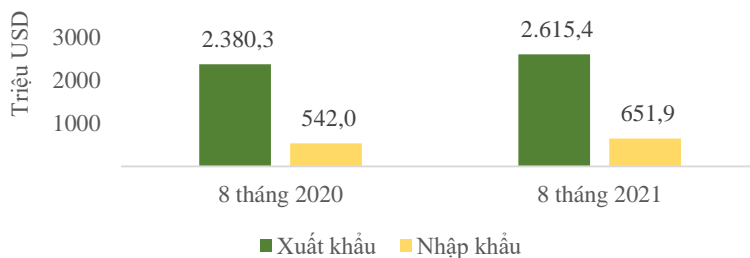
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường Liên minh Châu Âu - EU



TÌNH HÌNH CHUNG

Xuất khẩu và nhập khẩu NLTS Việt Nam - EU

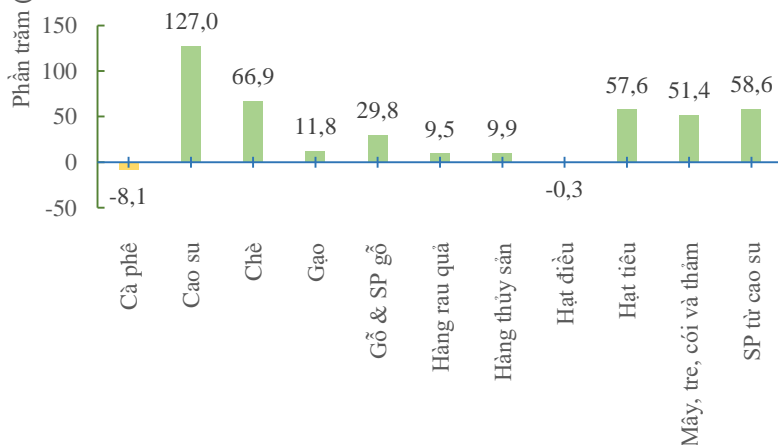


So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - EU

(8 Tháng 2020 và 8 Tháng 2021)

Xuất khẩu	▲ 9,9%
Nhập khẩu	▲ 20,3%

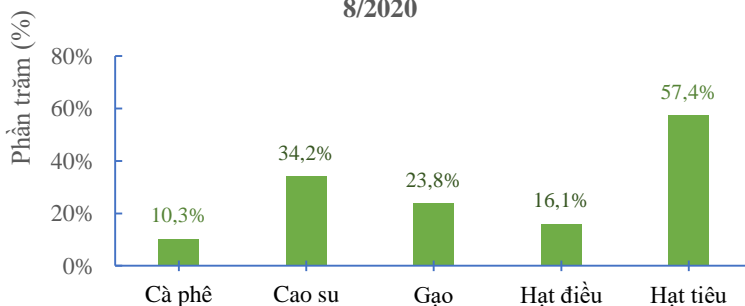
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang EU 8 tháng 2021 so với 8 tháng 2020



So sánh 8T/2021 với 8T/2020

Cà phê	▼ 8,1%
Cao su	▲ 127,0%
Chè	▲ 66,9%
Gạo	▲ 11,8%
Gỗ và SP Gỗ	▲ 29,8%
Rau quả	▲ 9,5%
Thủy sản	▲ 9,9%
Hạt điều	▼ 0,3%
Hạt tiêu	▲ 57,6%
Mây tre đan	▲ 51,4%
SP từ cao su	▲ 58,6%

Biến động giá xuất khẩu BQ tháng 8/2021 so với tháng 8/2020



So sánh giá xuất khẩu tháng 8/2021 với tháng 8/2020

Cà phê	▲ 10,3%
Cao su	▲ 34,2%
Gạo	▲ 23,8%
Hạt điều	▲ 16,1%
Hạt tiêu	▲ 57,4%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Kinh tế các nước khu vực đồng tiền chung Châu Âu (Eurozone) đang trên đà phục hồi nhờ chương trình tiêm chủng vaccine Covid-19 được triển khai rộng rãi. Vào tháng 9/2021, Ngân hàng trung ương châu Âu (ECB) đã dự báo kinh tế Eurozone sẽ tăng trưởng 5% trong năm 2021, cao hơn mức 4,6% được đưa ra trong dự báo trước đó. Trong khi đó, ECB hạ mức dự báo tăng trưởng kinh tế khu vực vào năm 2022 xuống 4,6% từ mức 4,7% trong dự báo trước. Dự báo tăng trưởng kinh tế Eurozone năm 2023 sẽ không thay đổi, vẫn ở mức 2,1%.

ECB cũng quyết định duy trì các lãi suất chủ chốt ở thời điểm hiện tại nhằm hỗ trợ các nền kinh tế trong khu vực vượt qua cuộc khủng hoảng bởi đại dịch COVID-19. Tuy nhiên, ECB cũng cho biết, dựa trên đánh giá chung về các điều kiện tài chính và triển vọng tình hình lạm phát, Hội đồng thống đốc ECB quyết định sẽ giảm nhịp độ thu mua trái phiếu khẩn cấp trong đại dịch (PEPP) so với 2 quý trước đó. Thông báo này được ECB đưa ra trong bối cảnh lạm phát của khu vực Eurozone tăng lên hơn 3% trong tháng 8, mức cao nhất trong 10 năm qua, vượt mức mục tiêu 2% mà ECB đặt ra. Nhiều nhà hoạch định chính sách của ECB dự đoán lạm phát của Eurozone sẽ còn tăng cao hơn nữa trong những tháng tới, trước khi giảm trở lại. Tuy nhiên, ECB cho rằng lạm phát cao hơn ở Khu vực Eurozone gần đây chủ yếu là do "các yếu tố tạm thời" liên quan đến đại dịch và sẽ không thúc giục ECB sớm thắt chặt chính sách tiền tệ siêu lỏng. Chương trình PEPP có trị giá 1.850 tỷ euro (2.200 tỷ USD) là công cụ chính của ECB để giúp đỡ các nước thành viên giảm thiểu tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế vì đại dịch COVID-19 và hướng tới duy trì tín dụng giá rẻ cho toàn khối. ECB nhấn mạnh linh hoạt trong hỗ trợ kinh tế Eurozone và sẵn sàng điều chỉnh các công cụ hỗ trợ khi cần thiết.

ECB đánh giá nền kinh tế Eurozone đang phục hồi sau cuộc đại suy thoái về kinh tế do đại dịch COVID-19 gây ra, dự báo nền kinh tế của khu vực sẽ quay trở lại mức trước đại dịch trong quý I/2022. Tuy nhiên, ECB cũng cảnh báo, đại dịch Covid-19 với biến thể Delta tiếp tục "phủ bóng" lên quá trình phục hồi các nền kinh tế, đặc biệt là trong lĩnh vực dịch vụ. Hiện tại, ECB đang duy trì lãi suất đối với các hoạt động tái cấp vốn ở mức 0%, lãi suất cho vay ở mức 0,25% và lãi suất tiền gửi là -0,5%. Ngoài ra, Ngân hàng có kế hoạch duy trì lãi suất ở mức thấp hiện tại cho đến khi lạm phát đạt được mục tiêu 2% trong khoảng thời gian dài. ECB đã nâng mục tiêu lạm phát từ mức "thấp hơn nhưng gần 2%" lên mục tiêu 2% trong trung hạn, có nghĩa

là cho phép lạm phát ở một số thời điểm có thể vượt quá mức trên dù “không mong muốn”.

Thỏa thuận cải cách Chính sách Nông nghiệp Chung (CAP) đã được Ủy ban Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn của Liên minh Châu Âu (EU) thông qua vào ngày 9/9 vừa qua. Nếu không có sự thay đổi, cải cách này được EU biểu quyết trong phiên họp toàn thể và sau đó được thông qua Hội đồng trước khi có hiệu lực vào tháng 01/2023. CAP có các mục tiêu sau: tăng năng suất nông nghiệp; đảm bảo công bằng cho nông dân; bình ổn thị trường; đảm bảo an ninh nguồn cung; đảm bảo mức giá hợp lý cho người tiêu dùng; bảo vệ môi trường. Nông nghiệp của EU phát thải khoảng 10% lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính, do đó, kỳ vọng cải cách này sẽ giúp cho các trang trại của EU thân thiện với môi trường hơn trong tương lai.

Về thương mại NLTS của EU với Việt Nam, trong 8 tháng đầu năm 2021, Việt Nam đã xuất khẩu hơn 2,6 tỷ USD sang EU, trong khi nhập khẩu gần 0,7 tỷ USD, tăng 9,9% về xuất khẩu và 20,3% về nhập khẩu so với cùng kỳ năm 2020; các mặt hàng nông sản xuất khẩu sang EU, cà phê và hạt điều có xu hướng giảm 8,1% và 0,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, cao su, chè, gạo, gỗ & sản phẩm gỗ, hàng rau quả, hàng thủy sản, hạt tiêu, mây, tre, cói và thảm, và sản phẩm từ cao su tăng với tốc độ lần lượt là: 127,0%, 66,9%, 11,8%, 29,8%, 9,5%, 9,9%, 57,6%, 51,4% và 58,6%.

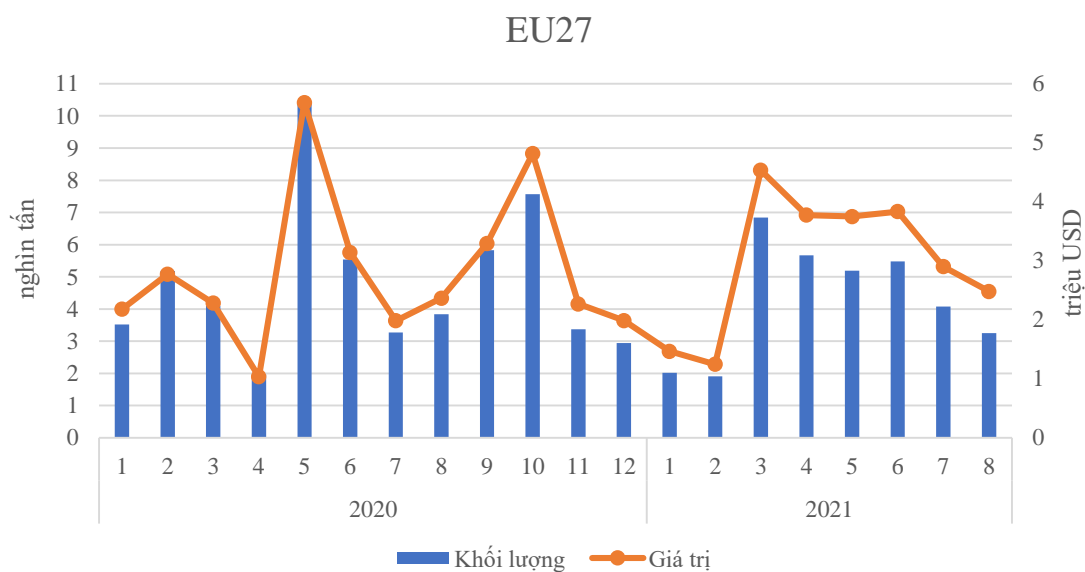
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 9/2021 của USDA, sản lượng gạo của EU trong năm 2020/21 vẫn được dự báo sẽ đạt xấp xỉ so với năm trước với khoảng 2,0 triệu tấn. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu năm 2020/21 của EU ước tính đạt 2,45 triệu tấn, tăng 50 nghìn tấn so với năm ngoái.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 8/2021, Việt Nam xuất khẩu được 3,3 nghìn tấn gạo, trị giá 2,5 triệu USD sang thị trường EU, giảm 20,2% về khối lượng và 14,6% về giá trị so với tháng trước; giảm 15,4% về khối lượng nhưng tăng 4,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 8 tháng đầu năm 2021 đạt 34,4 nghìn tấn, trị giá 24,0 triệu USD, giảm 8,9% về khối lượng nhưng tăng 11,8% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

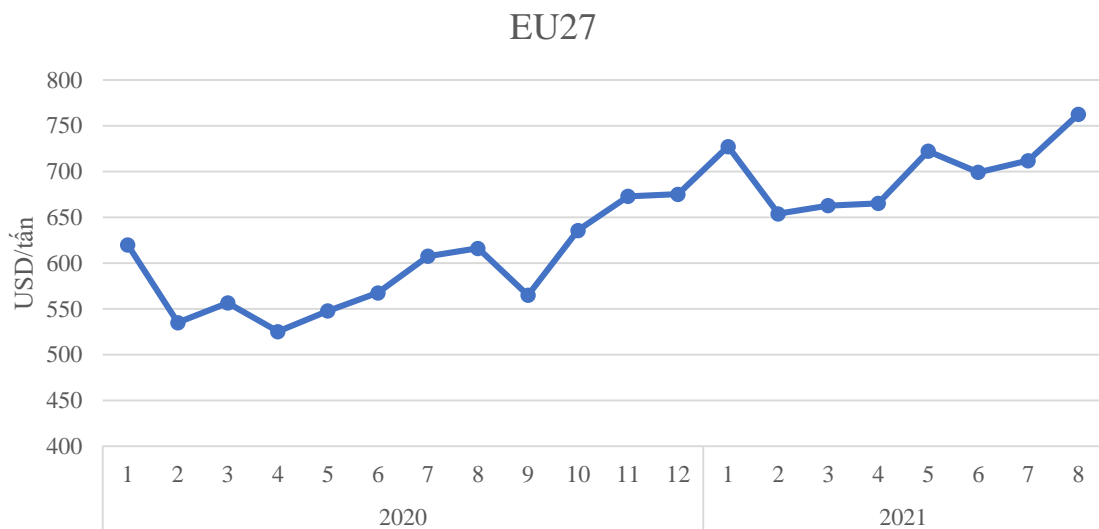
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường EU tháng 8/2021 đạt 762,6 USD/tấn, tăng 7,1% so với tháng trước và 23,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU

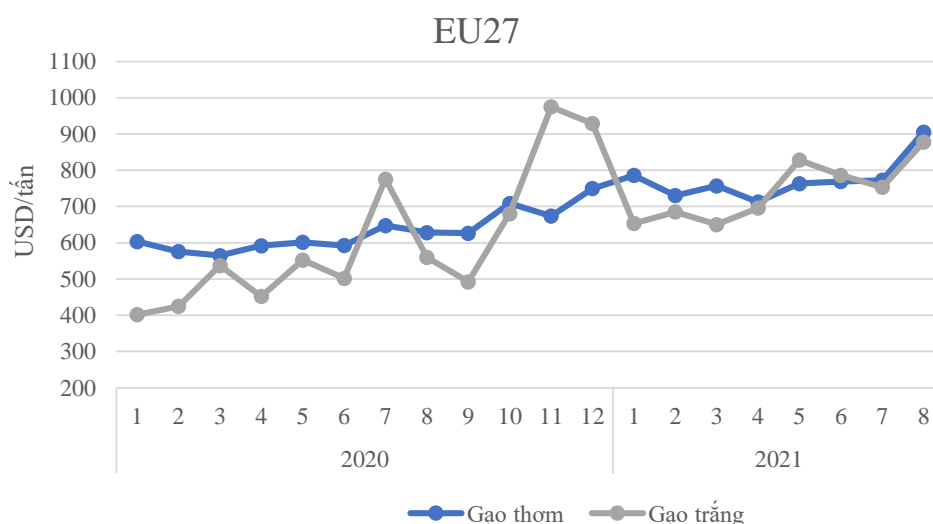


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU đạt 2,4 nghìn tấn, trị giá 1,8 triệu USD (chiếm 72,8% về khối lượng và 73,4% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang EU đã giảm 20,5% về khối lượng và nhưng tăng 1,8% về giá trị.

Giá gạo thơm tháng 8/2021 đạt trung bình 905,4 USD/tấn, tăng 17,2% so với tháng trước và 44,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo trắng đạt 877,8 USD/tấn, tăng 16,5% so với tháng trước và 56,8% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh, Công ty CP Nông nghiệp Công nghệ

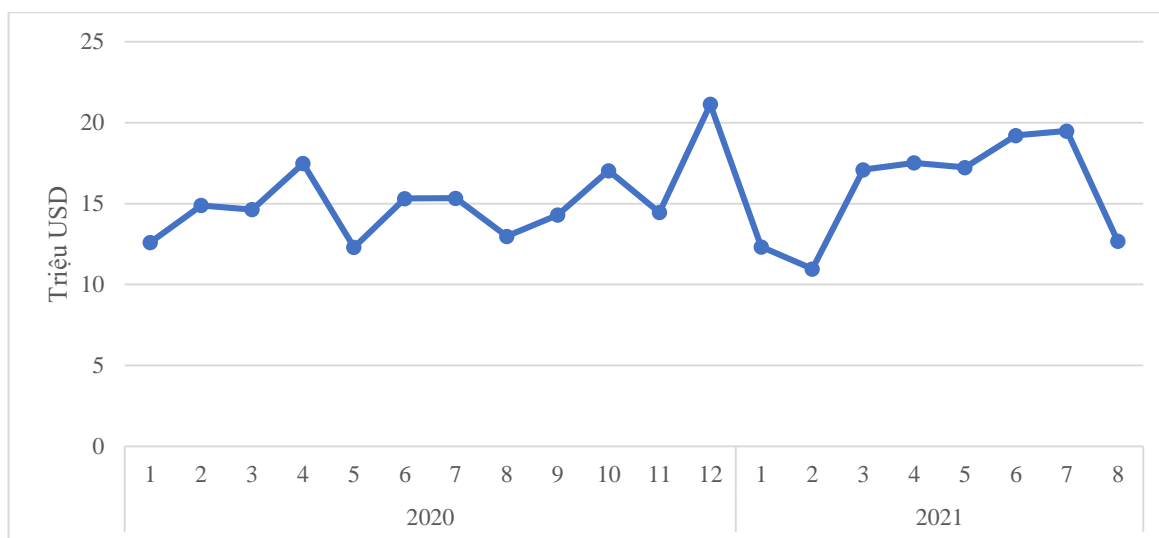
cao Trung An và Công ty CP Thương mại Dịch vụ Gạo Thịnh. Ba công ty này lần lượt chiếm 36,0%, 19,4% và 9,2% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường EU trong tháng 8/2021. So với cùng kỳ năm 2020, kim ngạch xuất khẩu của các công ty này ước tính tăng trưởng như sau: Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh, và Công ty CP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An đã tăng lần lượt 31,8% và 307,7% trong khi Công ty CP Thương mại Dịch vụ Gạo Thịnh không xuất khẩu trong tháng 8/2020 nhưng có xuất khẩu trong tháng 8/2021.

2. RAU QUẢ

Hội chợ trái cây Macfrut lần thứ 38 đã chính thức khai mạc vào ngày 7/9/2021 tại thành phố Rimini thuộc vùng Emilia Romagna của Italy. Lễ khai mạc có sự tham dự của Bộ trưởng Bộ Chính sách Nông nghiệp Italy Stefano Patuanelli, Phó Tổng giám đốc Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) Maurizio Martina, đại diện chính quyền vùng Emilia Romagna và đông đảo các nhà sản xuất, doanh nghiệp từ nhiều nước trên thế giới.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU tháng 8 năm 2021 đạt 12,7 triệu USD, chiếm 5,5% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 35,0% so với tháng trước và giảm 2,4% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 8 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu đạt 126,5 triệu USD, chiếm 5,0% thị phần và tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường EU



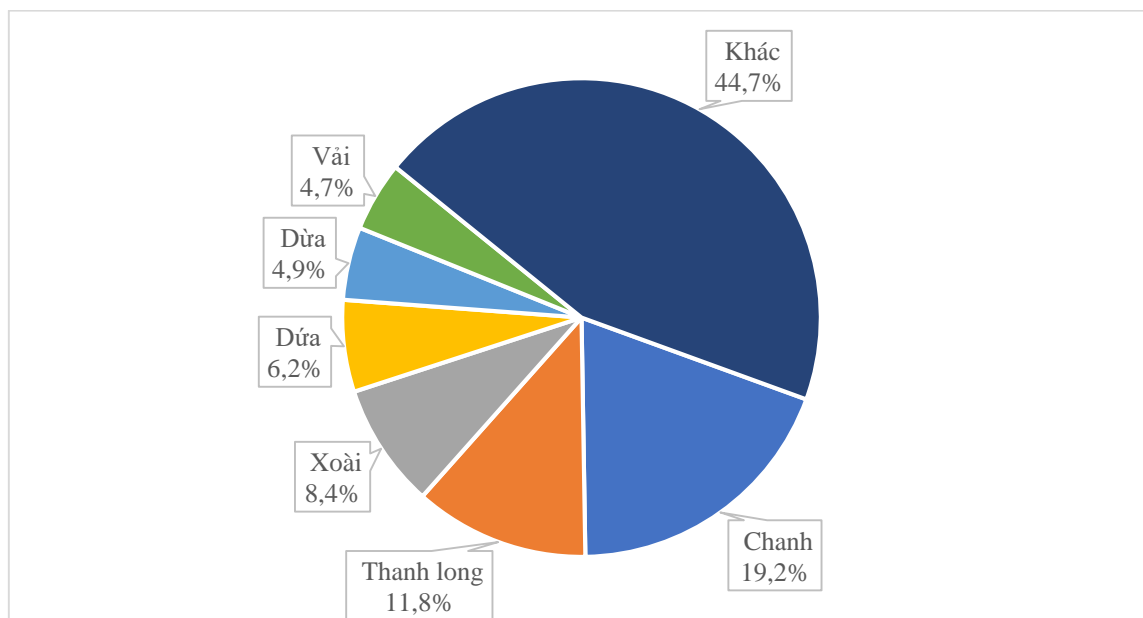
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU trong tháng 8 năm 2021 chủ yếu là trái cây (đạt 10,6 triệu USD, chiếm 83,9% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang

EU), trong đó các loại trái cây chưa qua chế biến (tươi, khô, đông lạnh...) chiếm tới 50,4% (so cùng kỳ 2020 là 52,9%), trái cây chế biến chiếm 33,5% (cùng kỳ 2020 là 28,2%). Mặt hàng rau đạt 2,0 triệu USD (chiếm 16,1%), trong đó chủ yếu là rau chưa qua chế biến (rau tươi, khô hoặc đông lạnh) với 11,7% (năm 2020 là 14,2%), rau chế biến chiếm 4,4% (năm 2020 là 4,7%).

Các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất sang EU trong tháng 8/2021 bao gồm chanh đạt 2,4 triệu USD (chiếm 19,2% tổng giá trị xuất khẩu), giảm 19,9% so với cùng kỳ năm 2020; thanh long đạt 1,5 triệu USD (chiếm 11,8%), tăng 55,8%; xoài đạt 1,1 triệu USD (chiếm 8,4%), tăng 5,5%; dứa đạt 785,9 nghìn USD (chiếm 6,2%), tăng 59,5%; v.v.

Hình 5: Cơ cấu một số loại rau quả chính xuất khẩu sang EU trong tháng 8/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2021, rau quả chế biến đạt 4,8 triệu USD (chiếm 37,9% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 12,2% so với cùng kỳ 2020. Tỷ trọng các loại sản phẩm chế biến lần lượt là: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) chiếm 55,3% tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm chế biến, tăng 178,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020; (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) chiếm 30,0%, giảm 45,7%; v.v.

Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường EU tháng 8 năm 2021 đạt 2,1 triệu USD, chiếm 1,8% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 8 tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu đạt 21,0 triệu USD, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 8/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là khoai tây đạt 860,6 nghìn USD (chiếm

41,4% thị phần), tăng 46,2% so với cùng kỳ năm 2020; tới đạt 174,9 nghìn USD (chiếm 8,4%), v.v.

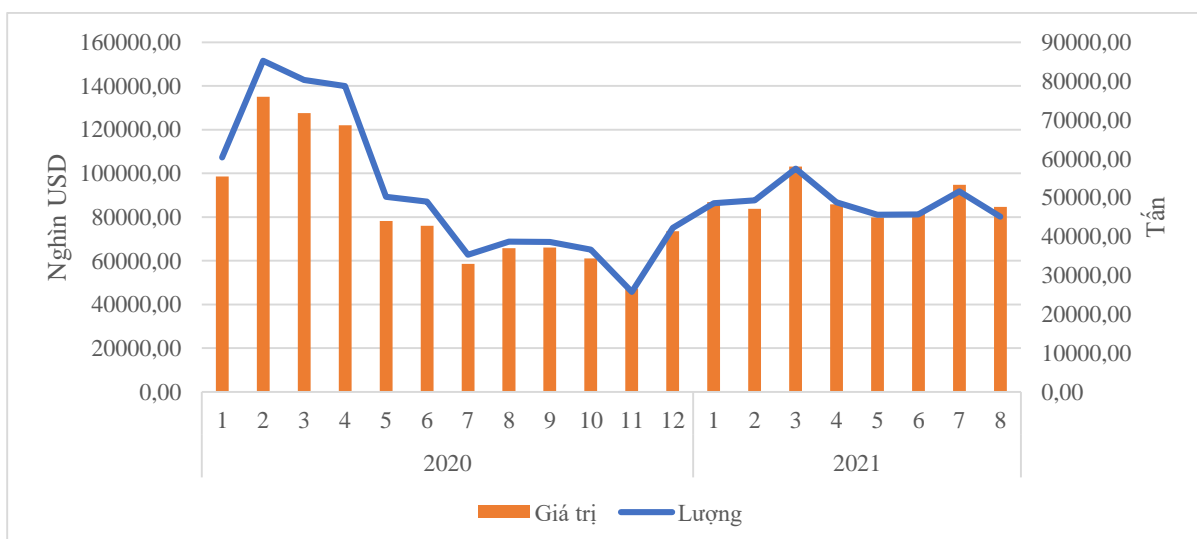
Trong tháng 8/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại KCN Biên Hòa II, Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ và Công ty CP Công nghiệp Thực phẩm Thabico với thị phần xuất khẩu lần lượt là: 19,8%; 8,2% và 4,8%. So với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại KCN Biên Hòa II tăng 67,6%, Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ tăng 12,3% và Công ty CP Công nghiệp Thực phẩm Thabico giảm 27,5%.

3. CÀ PHÊ

EU là thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam, chiếm khoảng 40% giá trị xuất khẩu. Trong tháng 8/2021, xuất khẩu cà phê của Việt Nam vào thị trường EU đạt 45.136 nghìn tấn, trị giá 84,59 triệu USD, giảm 12,58% về lượng và giảm 10,74% về giá trị so với tháng trước; đồng thời tăng 16,69% về lượng và tăng 28,66% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Lũy kế 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu đạt 392 triệu tấn, trị giá 615 triệu USD, giảm 17,9% về lượng và giảm 19,18% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường EU

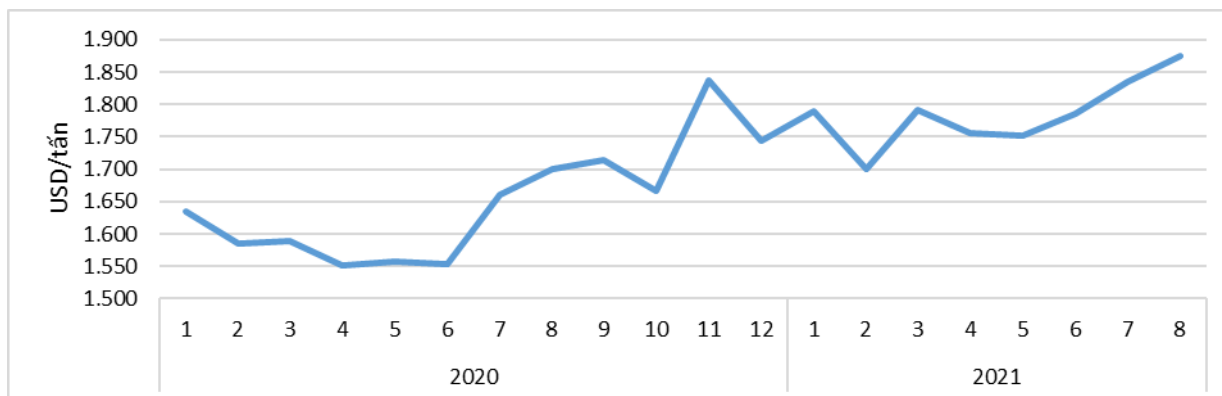


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cà phê Robusta tại London trong tháng 8/2021 tăng do tình trạng thiếu container và chi phí vận tải tăng cao, cùng với việc lo ngại nguồn cung giảm do Brazil giảm sản lượng.

Giá xuất khẩu tháng 7 thị trường EU là 1.874 USD/tấn, tăng 2,1% so với tháng trước và tăng 10,26% so với cùng kỳ.

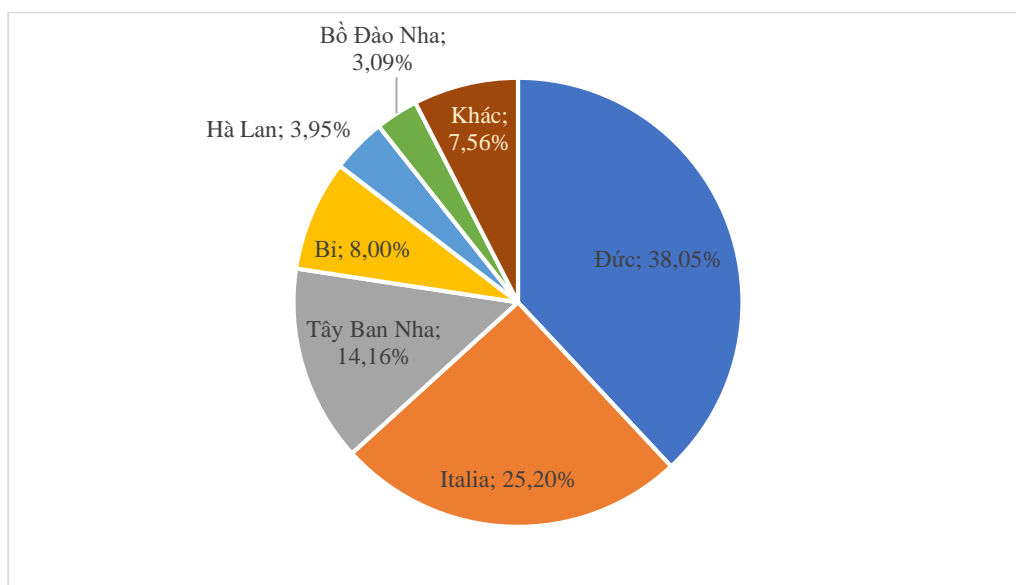
Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Các thị trường nhập khẩu cà phê Việt Nam lớn nhất tại EU trong tháng 8/2021 lần lượt là Đức chiếm tỷ trọng 38,05%, Italia chiếm 25,2%, Bỉ chiếm 8%, Tây Ban Nha chiếm 14,16%.

Hình 8: Cơ cấu xuất khẩu cà phê Việt Nam sang các nước EU



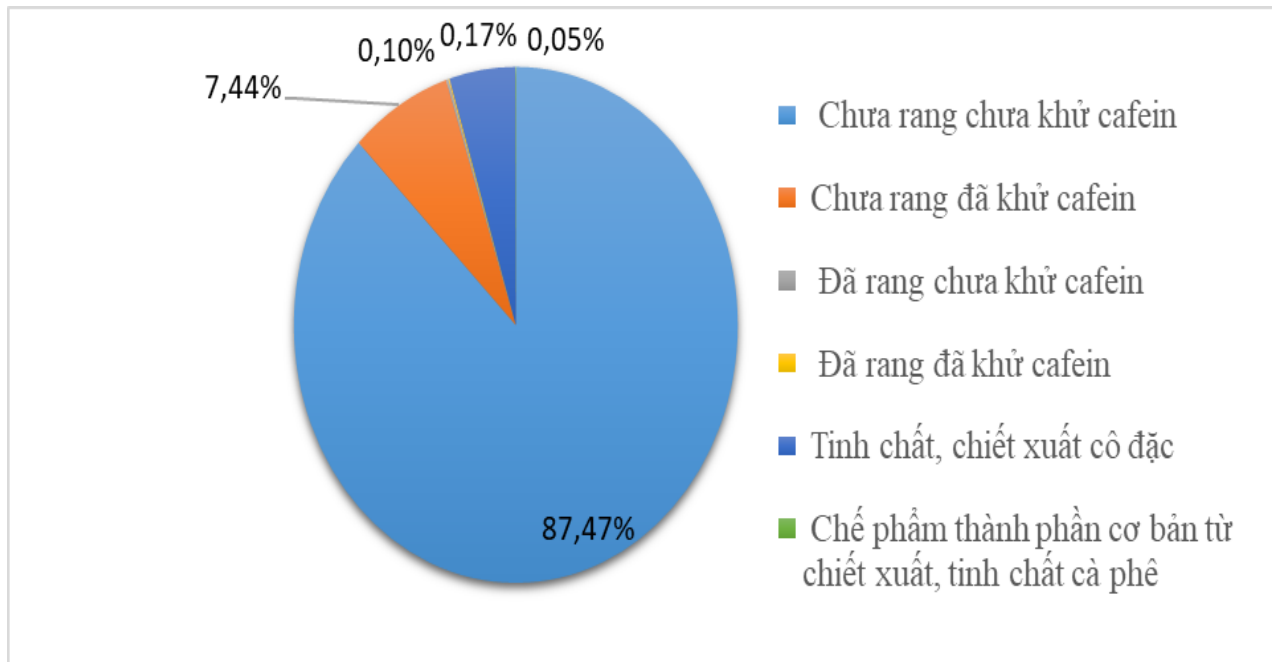
Nguồn: Tổng cục Hải quan

So với tháng trước, một số thị trường có kim ngạch tăng, cao nhất là Rumani (tăng 142%), Pháp (tăng 142%), Bỉ (tăng 77%), Đan Mạch (tăng 34%)... trong khi đó một số thị trường có kim ngạch giảm là Hà Lan (giảm 63%), Bồ Đào Nha (giảm 59%), Hungari (giảm 45%).

Về cơ cấu sản phẩm, Việt Nam chủ yếu xuất khẩu cà phê nhân, chiếm 95,17%, cà phê hòa tan chế biến, tinh chất chỉ chiếm 4,83%, trong khi cùng kỳ năm 2020 tỷ trọng này lần lượt là 91,28% và 8,72% cụ thể:

Cà phê chưa rang, chưa khử caffein đạt 73,99 triệu USD, chiếm tỷ trọng 87,47%, tăng 30,9% so với cùng kỳ. Xuất khẩu cà phê chưa rang, đã khử caffein đạt 6,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,44 %, tăng 92,76% so với cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 141 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 0,17%, giảm 11% so với cùng kỳ. Trong khi đó, tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt 4,03 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,77%, giảm 28,7 % so với cùng kỳ.

Hình 9: Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang EU



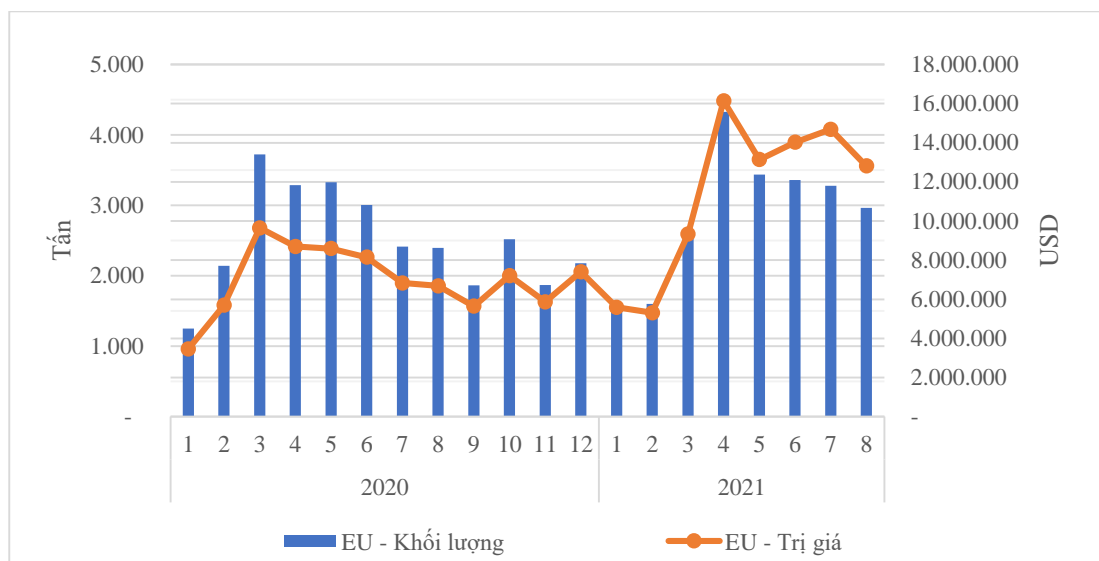
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là: Công ty cổ phần Intimex Mỹ Phước, Công ty cổ phần Tập đoàn Intimex, Công Ty TNHH MTV XNK 2-9 Đắk Lắk, với thị phần lần lượt là: 8,03%; 7,6% và 6,29%.

4. HỒ TIÊU

Theo Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang EU vẫn tiếp tục giảm kể từ tháng 4/2021. Trong tháng 8/2021, Việt Nam chỉ xuất khẩu được 2.966 tấn hồ tiêu với trị giá 12,8 triệu USD, giảm 9,55% về khối lượng và giảm 12,73% về giá trị so với tháng 7/2021, tăng 23,69% về khối lượng và tăng 91,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

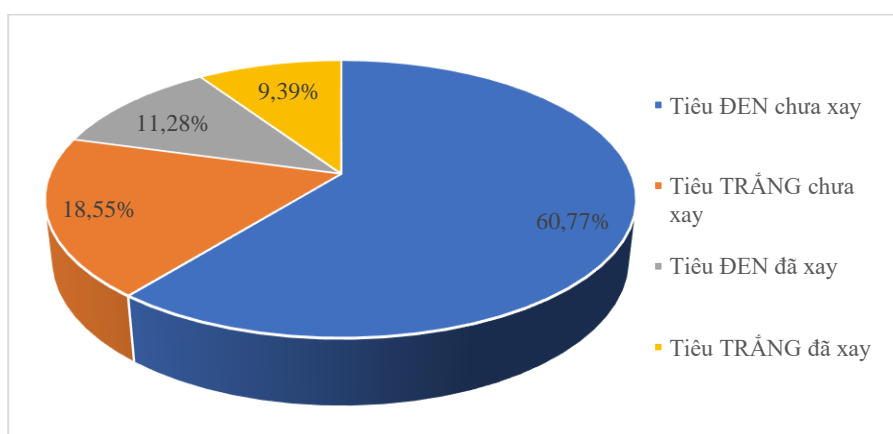
Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 60,77% tổng giá trị xuất khẩu tiêu vào EU, tăng 5,3% so với tháng trước và giảm 10,54% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu trắng chưa xay, chiếm 18,55% tổng giá trị xuất khẩu vào thị trường này, giảm 6,9% so với tháng trước và tăng 5,17% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng này, số liệu hải quan xuất khẩu ghi nhận thị trường này không nhập khẩu các sản phẩm phụ của tiêu như vỏ tiêu, tiêu lép...

Hình 11: Cơ cấu xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU tháng 8/2021

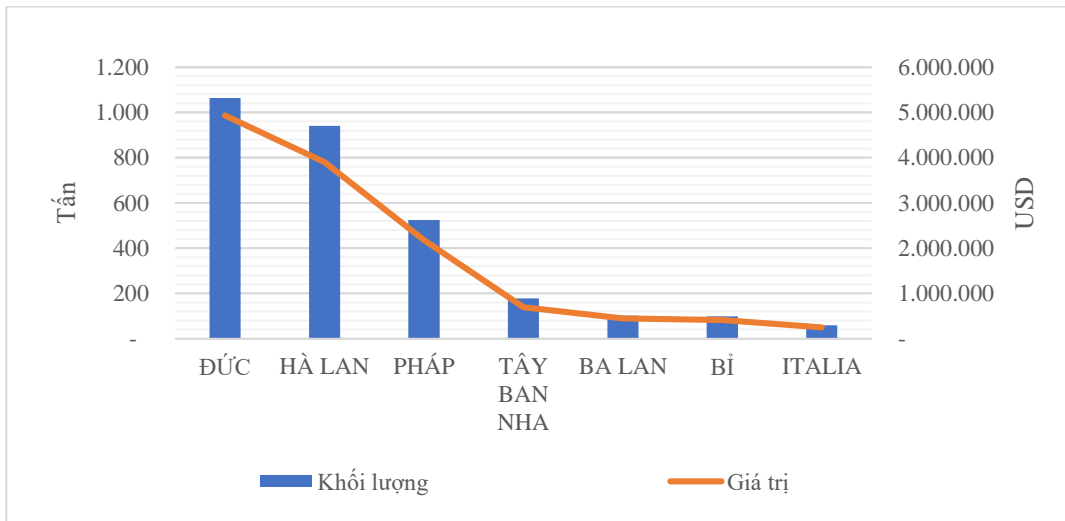


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đức vẫn tiếp tục là quốc gia dẫn đầu trong khối EU về khối lượng và kim ngạch nhập khẩu hồ tiêu từ Việt Nam trong tháng 8/2021 với 1.064 tấn (chiếm 35,87% tổng khối lượng xuất khẩu tiêu của Việt Nam vào EU, giảm 17,71% so với tháng trước), đạt trị giá 4,93 triệu USD (chiếm 38,5% tổng kim ngạch xuất khẩu tiêu của Việt Nam vào EU, giảm 21,7% so với tháng trước). Xếp thứ hai vẫn là Hà Lan với 941 tấn

(chiếm 31,73%, tăng 7,18%), đạt xấp xỉ 4 triệu USD (chiếm 30,42%, tăng 6,2%) và Pháp với 524 tấn (chiếm 17,67%, giảm 2,42%), đạt 2,18 triệu USD (chiếm 17,01%, giảm 6,83%). Trong tháng này, Italia tuy có tăng về khối lượng và giá trị nhập khẩu tiêu từ Việt Nam song đây vẫn là thị trường nhập khẩu tiêu thấp nhất trong khối EU của Việt Nam, chỉ đạt 59 tấn (chiếm xấp xỉ 2%, tăng 90,32%) với 251 nghìn USD (chiếm 1,96%), tăng 90,32% về khối lượng và 109,62% về giá trị so với tháng 7/2021.

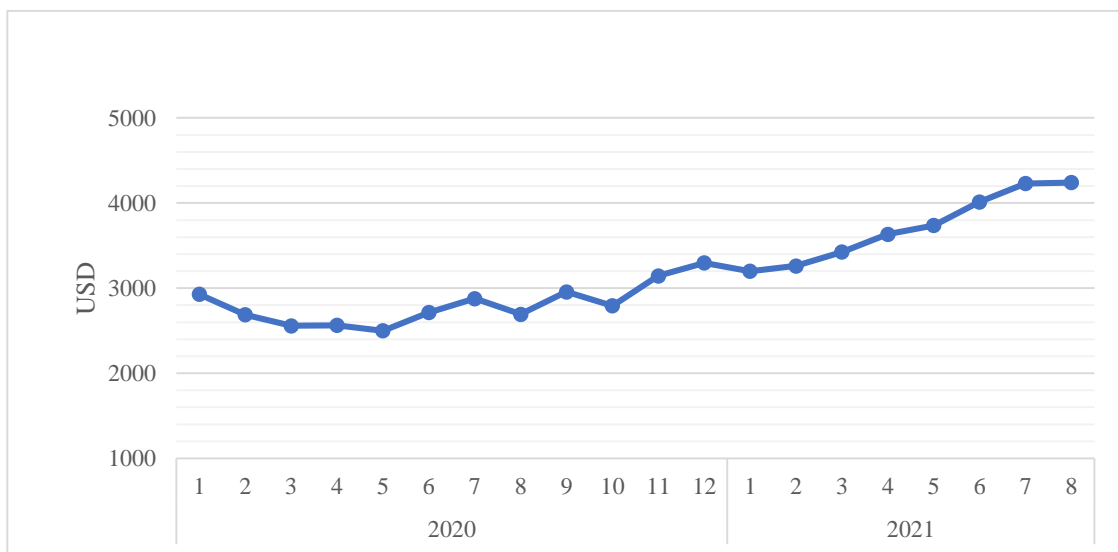
Hình 12: Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam tới các nước trong khối EU tháng 8/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đơn giá xuất khẩu hồ tiêu vào EU nhìn chung đã chững lại sau một thời gian dài tăng vọt kể từ tháng 1/2021. Giá xuất khẩu trung bình tháng 8/2021 đạt mức 4.240 usd/tấn, tăng không đáng kể 0,2% so với tháng 7/2021 và tăng 57,4% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 13: Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU



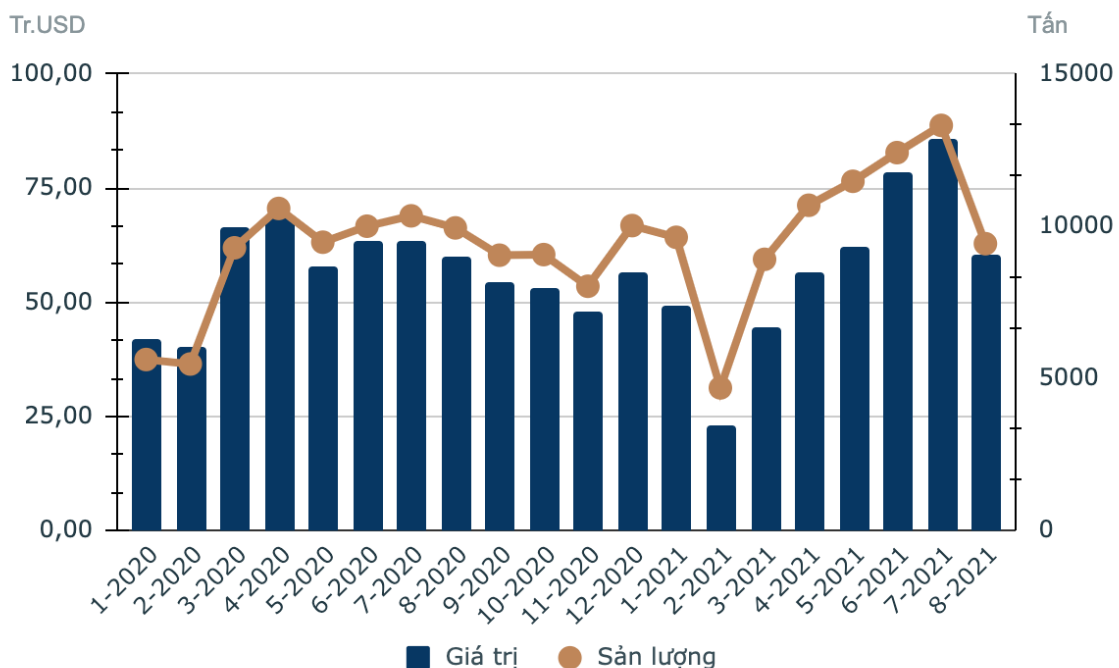
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2021, giữ vị trí số 1 trong Top 3 doanh nghiệp xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU là Chi nhánh Long Bình của Công ty TNHH Olam Việt Nam với 60,77% trong cơ cấu trị giá, tăng 59,8% so với tháng 7/2021 và tăng 147,2% so với cùng kỳ năm trước. Đây vẫn là doanh nghiệp nằm trong Top 3 về kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam vào thị trường này. Đứng thứ 2 là Công ty CP Phúc Sinh và Công ty CP Tập đoàn Trân Châu, chiếm lần lượt là 20,03% và 15,21%, trong đó Công ty CP Phúc Sinh có mức tăng trưởng kim ngạch rất đáng chú ý, tăng 189,5% so với tháng trước và tăng 317,7% so với cùng kỳ năm trước.

5. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 8/2020, Việt Nam xuất khẩu được 9,42 nghìn tấn điều, trị giá 60,59 triệu USD sang thị trường EU, tăng 0,8% về giá trị và giảm 5,2% về khối lượng so với cùng kỳ năm trước. Tính hết 8 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 460,53 triệu USD, tương ứng với 80,55 nghìn tấn, giảm 0,32% về giá trị và tăng 13,9% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

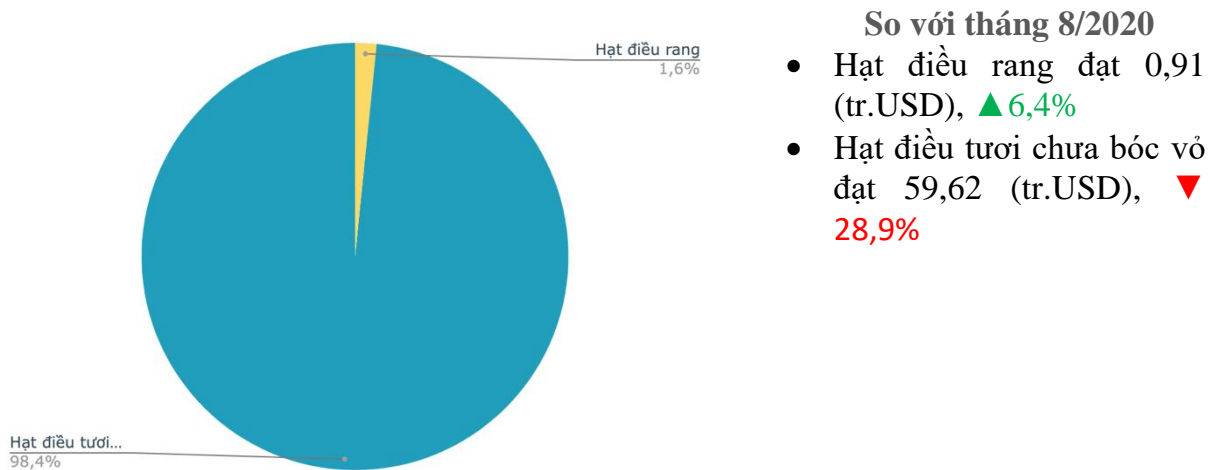
Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Dịch Covid_19 đang ảnh hưởng lớn đến sản xuất và giá trị xuất khẩu hạt điều. Chuỗi cung ứng trong sản xuất bị ảnh hưởng nghiêm trọng, nhà máy sản xuất hoạt động chưa đảm bảo hoạt động 100% công suất nên ảnh hưởng lớn đến đơn hàng xuất khẩu.

Hình 15: Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường EU tháng 8/2021

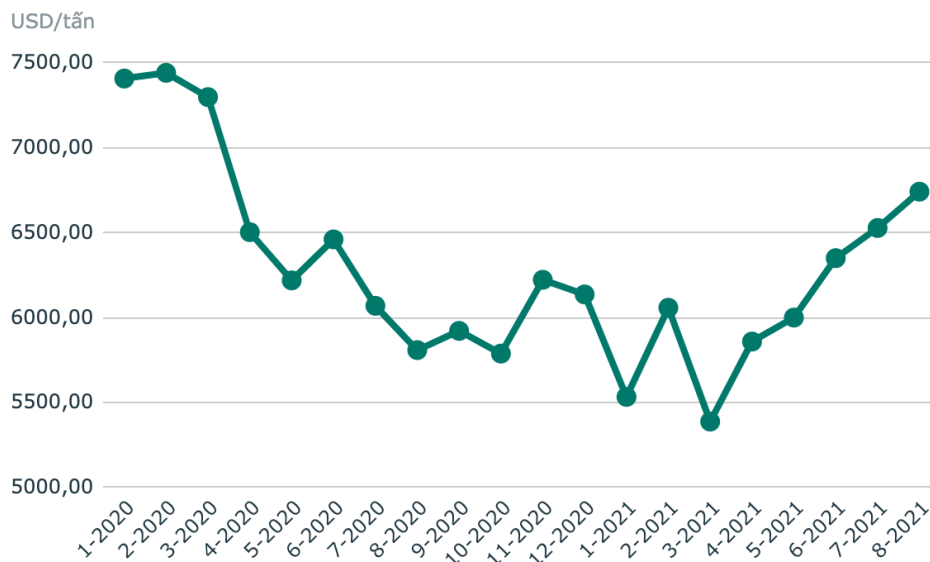


- So với tháng 8/2020**
- Hạt điều rang đạt 0,91 (tr.USD), ▲6,4%
 - Hạt điều tươi chưa bóc vỏ đạt 59,62 (tr.USD), ▼28,9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 8/2021, giá xuất khẩu điều sang thị trường này có xu hướng tăng nhẹ so với tháng trước, đây là tháng thứ 5 giá xuất khẩu điều Việt Nam tăng đạt 6.741,72 USD/tấn, tăng 16,05% so với cùng kỳ năm trước và tăng 3,27% so với tháng 6/2021. Giá điều xuất khẩu tăng do chi phí vận chuyển và chi phí sản xuất tăng do thực hiện các biện pháp phòng chống Covid.

Hình 16: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với điều tươi đã bóc vỏ, giá xuất khẩu bình quân sang thị trường này tháng 8/2021 đạt trung bình là 6,7 USD/kg, tăng 1% so với tháng trước và 11,4% so với cùng kỳ năm trước. Đối với hạt điều rang đạt trung bình đạt 8,39USD/kg giảm lần lượt là 22,5% và 13,2% so với tháng trước và cùng kỳ năm trước.

Tháng 8/2021, 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn Olam Việt Nam tại Biên Hoà II chiếm 6,59%; Công ty cổ phần Hoàng Sơn I chiếm 4,45%; Công ty TNHH Điều INTERSNACK Việt Nam chiếm 4,19%.

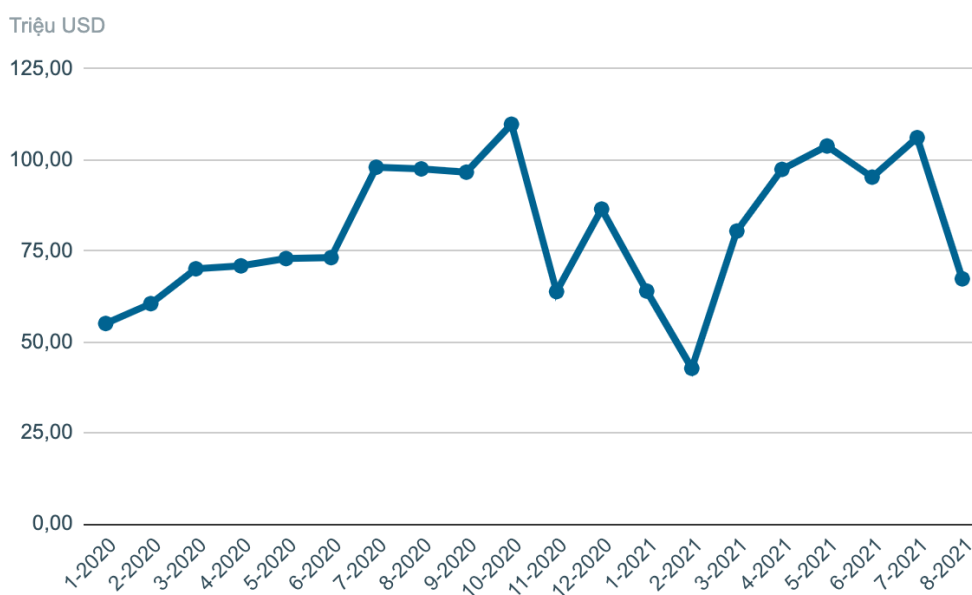
6. THỦY SẢN

Tháng 8/2021, xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo sang thị trường EU giảm 7%, xuống còn 15,4 nghìn tấn; xuất khẩu sang Hoa Kỳ đạt 15 nghìn tấn, giảm 24% so với tháng 7/2021; xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 34.000 tấn, tăng 5% so với tháng 7/2021. Tháng 8/2021, giá xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo trung bình đạt 6,39 USD/kg, tăng 2,7% so với tháng 7.

Ăc-hen-ti-na: Theo Bộ Nông nghiệp, chăn nuôi và đánh cá Ăc-hen-ti-na, tháng 8/2021, sản lượng tôm đỏ đánh bắt của Ăc-hen-ti-na tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm 2020, đạt 38.017 tấn, tăng 11% so với cùng kỳ năm ngoái, cao nhất kể từ năm 1989. Trong 15 ngày đầu tháng 9/2021, sản lượng đánh bắt tôm đỏ của nước này đạt 13.209 tấn, chiếm 80% tổng sản lượng tháng 9/2020.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 8/2021, xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU đạt 67,33 triệu USD, giảm 31% so cùng kỳ năm 2020, và 26,5% so với tháng 7/2021. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu sang thị trường này 8 tháng đầu năm 2021 đạt 657,13 triệu USD tăng 9,86% so với cùng kỳ năm trước.

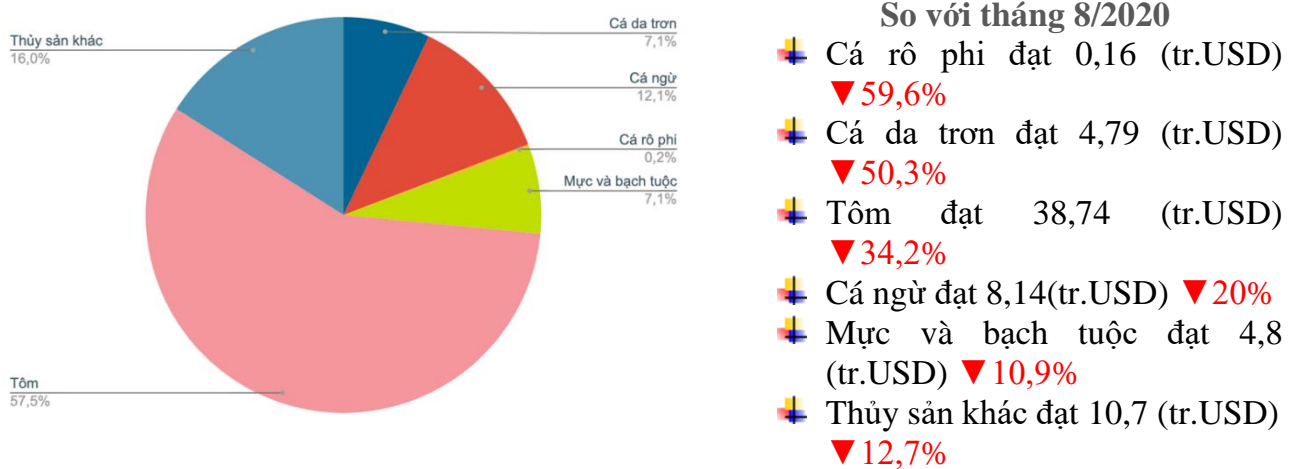
Hình 17: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Từ tháng 6, đại dịch Covid -19 bùng phát mạnh tại khu vực trọng tâm của thủy sản Việt Nam, nơi chiếm 90-95% kim ngạch xuất khẩu toàn quốc cũng như lực lượng lao động của ngành hàng. Điều này gây khó khăn và áp lực đứt gãy ngày càng tăng đối với cộng đồng DN. So với tháng 7, số DN tham gia xuất khẩu thủy sản trong tháng 8-2021 giảm đi hơn 100 đơn vị. So với cùng kỳ năm 2020, số DN tham gia xuất khẩu giảm đến 150 đơn vị. Tính riêng tháng 8/2021, hầu hết các mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang thị trường này đều giảm, có thể kể đến cá da trơn giảm tới 50,3%; tôm các loại giảm 34,2%.

Hình 18: Cơ cấu xuất khẩu các mặt hàng thủy sản sang thị trường EU tháng 8/2021

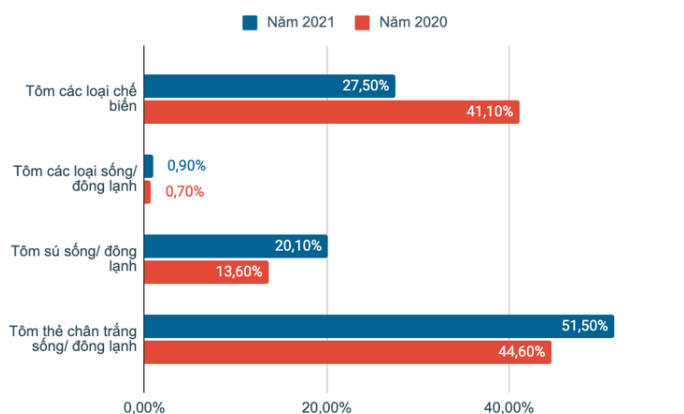


Nguồn: Tổng cục Hải quan

EU là thị trường nhập khẩu tôm lớn thứ 3 của Việt Nam, sau Mỹ và Nhật Bản, chiếm 14,6% tổng giá trị xuất khẩu tôm Việt Nam đi các thị trường. Tại thị trường EU, Ecuador đang nổi lên là một đối thủ cạnh tranh mạnh với các nguồn cung tôm từ châu Á, trong đó có Việt Nam. Ecuador có lợi thế giá tôm thấp và vận chuyển dễ dàng. Hai năm gần đây, Ecuador thâm nhập thị trường châu Âu bằng các sản phẩm từ tôm bóc vỏ, bỏ chỉ lưng, tôm bóc vỏ bỏ chỉ lưng để đuổi đến các sản phẩm tôm sống và tôm hấp. Các sản phẩm này đều được nuôi tại các trại nuôi được chứng nhận ASC. Ecuador lên kế hoạch định vị sản phẩm tôm chất lượng cao, bền vững tại thị trường châu Âu.

Xuất khẩu tôm của Việt Nam sang thị trường này giảm mạnh trong tháng 8/2021 do dịch Covid 19 làm đứt gãy chuỗi cung ứng sản phẩm này.

Hình 19: Cơ cấu sản phẩm tôm xuất khẩu sang thị trường EU tháng 8/2021

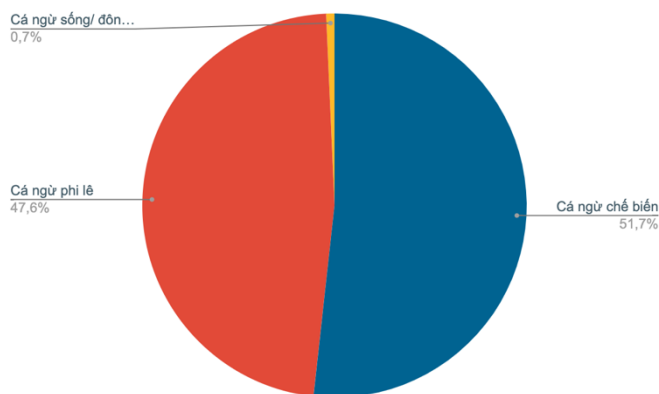


- So với tháng 8/2020**
- ✚ Tôm chế biến các loại khác đạt 10,64 (tr.USD), ▼56%
 - ✚ Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 19,96 (tr.USD), ▼24,1%
 - ✚ Tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,36 (tr.USD), ▼15,7%
 - ✚ Tôm sú sống/đông lạnh đạt 7,78 (tr.USD), ▼2,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam sang thị trường EU sau một thời gian tăng trưởng ổn định đã sụt giảm trong tháng 8/2021, giảm 20% so với cùng kỳ năm 2020. Nhưng nhờ tăng trưởng tốt trong những tháng trước đó nên tính lũy kế 8 tháng đầu năm giá trị xuất khẩu vẫn tăng 13,5%, đạt hơn 95 triệu USD. Trong số 3 thị trường nhập khẩu nhiều nhất cá ngừ của Việt Nam trong khối EU, Tây Ban Nha là nước duy nhất có sự tăng nhập khẩu từ Việt Nam, còn Italy và Đức giảm. Cũng giống như Mỹ, lượng tồn kho cá đóng hộp và thịt thăn cá ngừ hấp đông lạnh tại các nước EU ở mức cao đã làm sụt giảm nhu cầu nhập khẩu của các nước này. Bên cạnh đó, giá cước vận chuyển cao kỷ lục buộc các nhà sản xuất đồ hộp phải trì hoãn các hợp đồng và các lô hàng bán theo giá CFR càng nhiều càng tốt cho đến quý 3/2021 với hy vọng giá cước sẽ bình thường hoá trở lại. Những người mua hàng theo giá FOB cũng làm điều tương tự.

Hình 20: Cơ cấu sản phẩm cá ngừ xuất khẩu sang thị trường EU tháng 8 năm 2021



- So với tháng 8/2020**
- ✚ Cá ngừ sống/đông lạnh trừ phi lê đạt 0,05 (tr.USD), ▼69,3%
 - ✚ Cá ngừ chế biến đạt 4,22 (tr.USD), ▼21%
 - ✚ Cá ngừ phi lê 3,87 (tr.USD), ▼17,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu bình quân một số mặt hàng xuất khẩu thủy sản sang thị trường này trong tháng 8/2021 như sau: Tôm đạt 9,29/kg, tăng 5,5% so với cùng kỳ năm 2020, và 3,5% so với tháng trước; cá da trơn đạt 2,13 USD/kg, tăng 9,2% so với tháng 8/2020 và giảm 4,7% so với tháng 7/2021.

Bảng 1: Giá xuất khẩu một số loại thủy sản sang thị trường EU tháng 8/2021

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,13	9,20%	-4,70%
2	Cá ngừ	7,72	16,40%	-0,90%
3	Cá rô phi	1,94	-9,40%	-18,50%
4	Mực và bạch tuộc	6,07	-0,20%	0,10%
5	Tôm	9,29	5,50%	3,50%

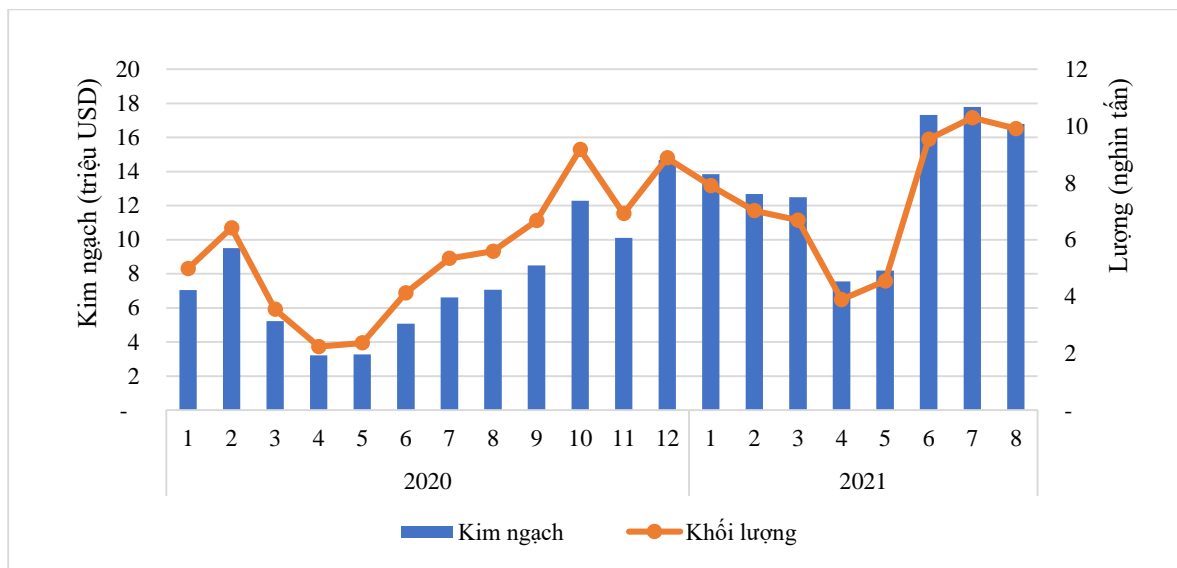
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 8 năm 2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty cổ phần chế biến và dịch vụ thủy sản Cà Mau, chiếm 5,1% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Thanh Hoá, chiếm 4,5%; Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú chiếm 4%.

7. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 8/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường EU ước đạt 9,9 nghìn tấn với trị giá 16,8 triệu USD, giảm 3,7% về khối lượng và 5,6% về giá trị so với tháng trước, nhưng tăng 77,2% về khối lượng và 137,8% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

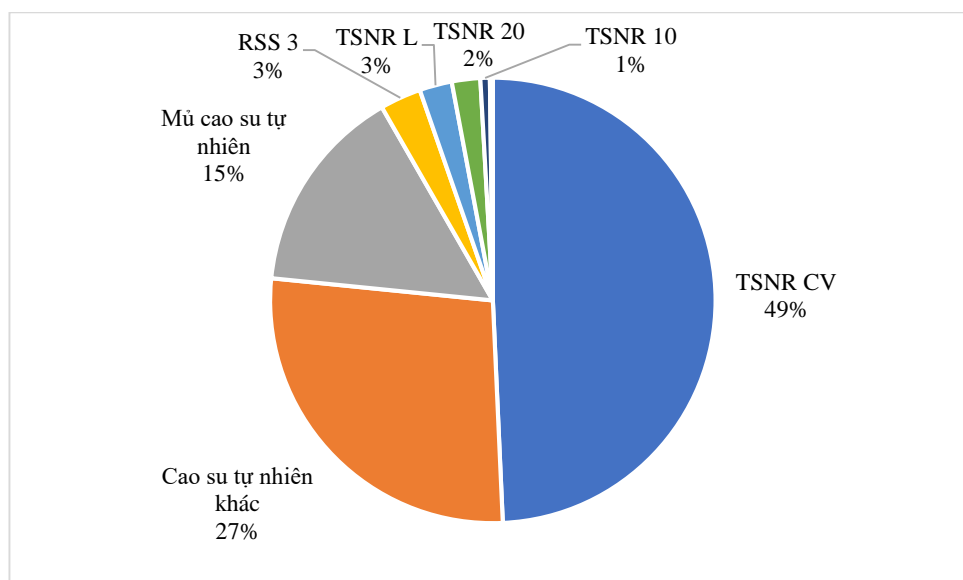
Hình 21: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2021, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 8,3 triệu USD, chiếm 49,3% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là mủ cao su tự nhiên với kim ngạch 2,5 triệu USD, chiếm 15,1% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là RSS 3 và TSNR L, chiếm lần lượt 3,0% và 2,4% tổng giá trị xuất khẩu sang EU.

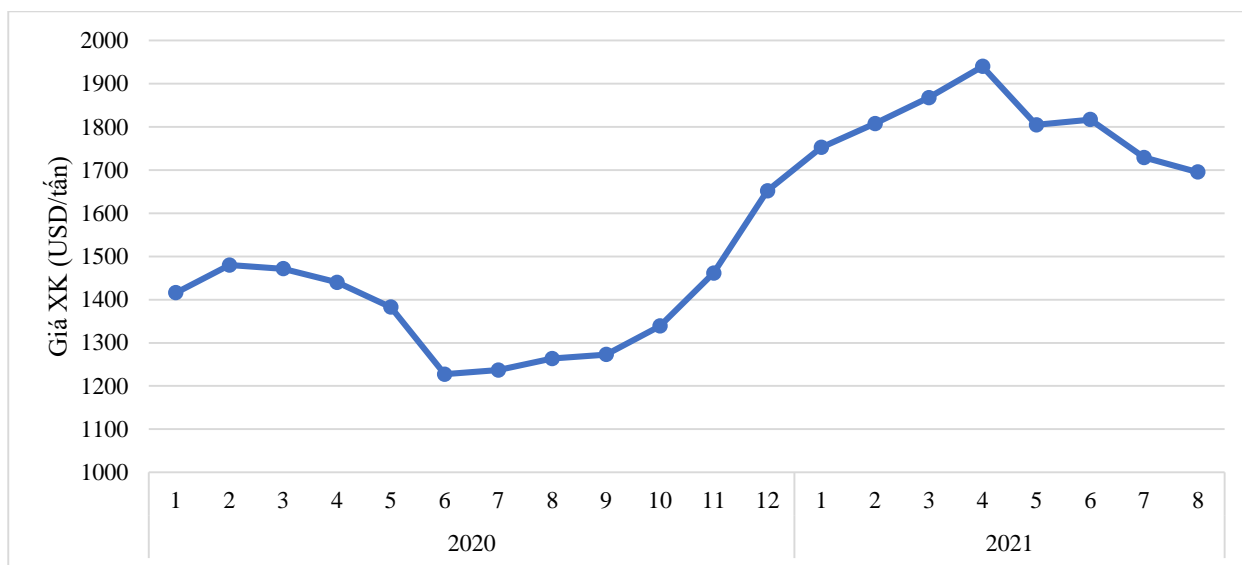
Hình 22: Chủng loại cao su tự nhiên (HS 4001) xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 8/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường EU giảm nhẹ và đạt mức 1.696 USD/tấn trong tháng 8/2021, giảm 1,9% so với tháng trước nhưng tăng 34,2% so với cùng kỳ 2020.

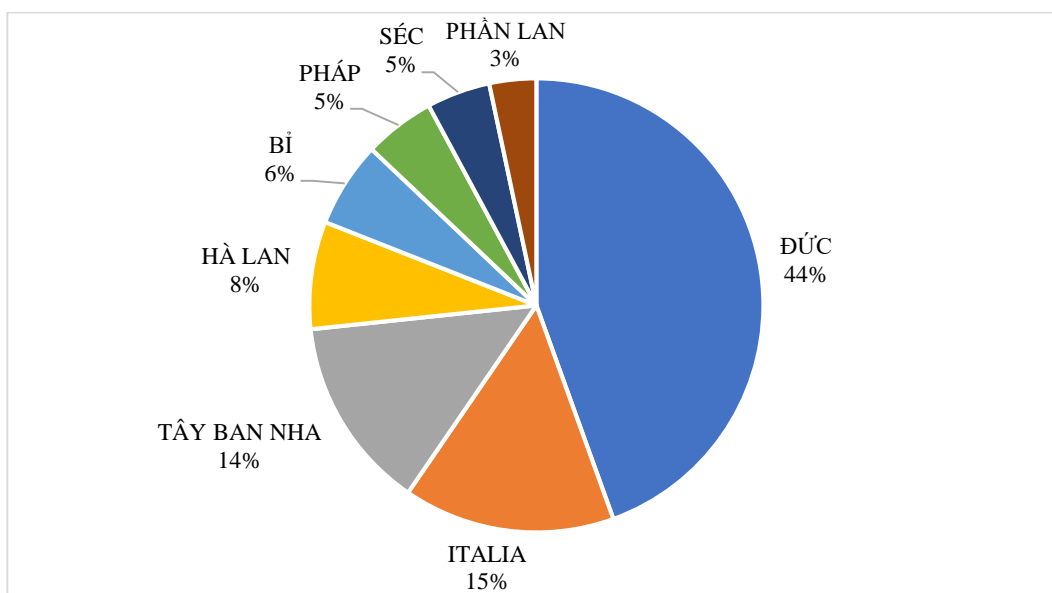
Hình 23: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2021, Đức là quốc gia nhập khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam với 7,5 triệu USD, chiếm 44,5% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường EU. Italia là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 2,5 triệu USD, chiếm 15,1%. Tiếp theo là Tây Ban Nha, Hà Lan và Bỉ chiếm lần lượt 13,8%, 7,7% và 6,1% trong tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường EU.

Hình 24: Xuất khẩu cao su sang một số thị trường chính trong thị trường EU



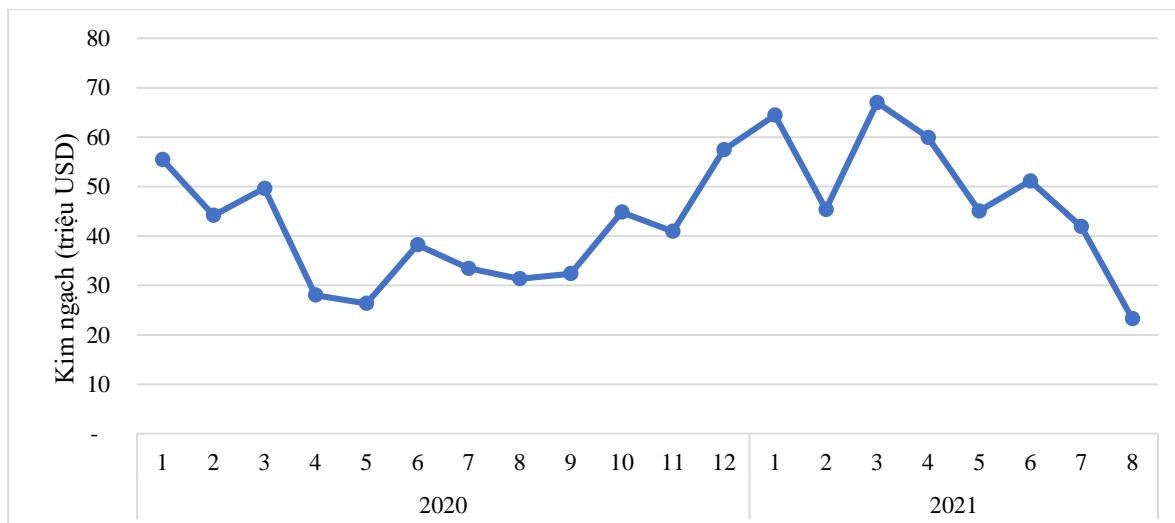
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2021, Top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường EU là Công ty TNHH SX Cao su Liên Anh, Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi, Công ty CP Cao su Đắk Lắk. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 15,8%, 12,9% và 7,6% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường EU.

9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 8/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU ước đạt 23,3 triệu USD, giảm 44,4% so với tháng trước và 25,7% so với cùng kỳ 2020.

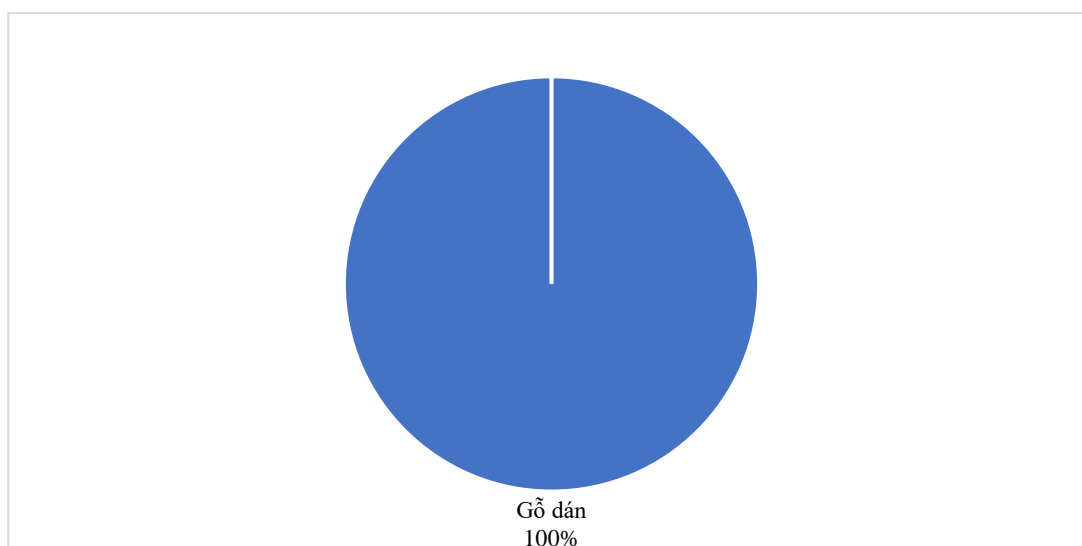
Hình 25: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 8/2021, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ duy nhất thuộc nhóm mã HS 44 có xuất khẩu sang thị trường EU đạt 948,6 nghìn USD, chiếm 100,0% tổng giá trị xuất khẩu.

Hình 26: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 8/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2021, Top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường EU là Công ty Công ty CP TEKCOM, Công ty TNHH Xuất khẩu Thiên Đức và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phương Nam Phát. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 79,6%, 8,7% và 5,4% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường EU.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cà phê

Theo ước tính của ICO, niên vụ 2020/2021, tiêu thụ ở các nước nhập khẩu dự kiến sẽ tăng 2,3%, lên 117,09 triệu bao, trong đó, tại EU sẽ tăng 1,8% so với niên vụ trước, đạt 54,28 triệu bao. Xuất khẩu của Việt Nam vẫn tiếp tục gặp khó khăn khi cước vận chuyển không ngừng tăng cao. Mặc dù vậy, để đáp ứng tiêu dùng trong nước cho dịp Giáng sinh và năm mới, nhu cầu đặt hàng của các nhà nhập khẩu dự tính vẫn tăng. Giá cả cà phê theo đó dự báo cũng sẽ tăng vào dịp cuối năm nay và đầu năm sau.

2. Hồ tiêu

Đại dịch Covid-19 tại EU và Việt Nam vẫn còn diễn biến khó lường và tình hình tiêm chủng tuy được thực hiện tương đối rộng khắp song khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng hồ tiêu từ Việt Nam sang EU trong 1-2 tháng tới vẫn chưa có tín hiệu khả quan. Giá xuất khẩu tuy đã có tín hiệu chững lại song giá xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang EU vẫn cao nhất trong các thị trường nhập khẩu hồ tiêu của Việt Nam, do đó dự báo trong 1-2 tháng tới, giá hồ tiêu có thể sẽ vẫn chững lại hoặc giảm nhẹ.

3. Thủy sản

Nhu cầu nhập khẩu tôm của thế giới đang tăng trở lại, đặc biệt ở những thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU. Thị trường Hoa Kỳ và EU đã nới lỏng giãn cách, mở cửa trở lại và vaccine được tiêm diện rộng. Nhu cầu nhập khẩu tôm từ các thị trường này rất cao từ nay đến tháng 11 để phục vụ Giáng sinh và đón năm mới, nhất là nhu cầu nhập khẩu tôm cỡ lớn. Theo các doanh nghiệp xuất khẩu, đơn hàng được ký rất nhiều, chỉ lo sản xuất không đủ để đáp ứng. Như vậy, cơ hội cho Việt Nam tăng thị phần xuất khẩu tôm trong những tháng cuối năm 2021 là rất lớn. Tuy nhiên để tận dụng được cơ hội này, cần kịp thời tháo gỡ khó để ngành tôm khôi phục chế biến và xuất khẩu. Xuất khẩu tôm từ tháng 7/2021 tăng chậm lại khi tình hình sản xuất, chế biến, xuất khẩu tôm và tiêu thụ trong nước gặp nhiều khó khăn, các nhà máy chế biến tôm phải giảm hoạt động, thu mua tôm bị đình trệ.

4. Cao su

Theo Hiệp hội Cao su Việt Nam (VRA), nhu cầu nhập khẩu cao su của các thị trường lớn như Liên minh châu Âu (EU) dự báo tiếp tục xu hướng tăng nhờ kinh tế ở các nước này đang dần hồi phục do các biện pháp phong tỏa được nới lỏng.

Tuy nhiên, xuất khẩu cao su của Việt Nam trong các tháng tới bị ảnh hưởng bởi nhiều doanh nghiệp phải tạm ngừng sản xuất do nằm trong khu vực phong tỏa, hoặc sản xuất bị ảnh hưởng bởi công nhân nghỉ việc, bị cách ly, sống trong vùng có dịch.

5. Gỗ và các sản phẩm gỗ

Theo các chuyên gia, triển vọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU đến cuối năm vẫn còn nhiều cơ hội. Cụ thể, kinh tế toàn khối EU đang có xu hướng tích cực trong bối cảnh các nền kinh tế khu vực đang mở cửa trở lại, chương trình tiêm chủng vắc xin ngừa Covid-19 được đẩy nhanh và quỹ kích thích chung của EU được khởi động để hỗ trợ chính sách tiền tệ nới lỏng. Thị trường xây dựng hoạt động mạnh cũng góp phần thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ đồ nội thất bằng gỗ tại EU tăng mạnh trong thời gian tới.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu Nông Lâm Thủy sản sang thị trường EU tháng 8/2021

STT	Sản phẩm	Tháng 8/2021 (USD)	Tăng/giảm so tháng trước	Tăng/giảm so cùng kỳ năm 2020	Tỷ trọng
1	Cà phê	84.594.890	-10,7%	28,7%	28,3%
2	Cao su	16.802.819	-5,6%	137,8%	5,6%
3	Chè	239.036	-24,7%	18,4%	0,08%
4	Gạo	2.478.735	-14,6%	4,8%	0,8%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	23.304.552	-44,4%	-25,7%	7,8%
6	Hàng rau quả	12.668.069	-35,0%	-2,4%	4,2%
7	Hàng thủy sản	67.334.413	-36,5%	-31,0%	22,5%
8	Hạt điều	60.586.139	-29,4%	0,8%	20,2%
9	Hạt tiêu	12.813.979	-12,7%	91,7%	4,3%
10	Sản phẩm mây. tre. cói và thảm	11.288.509	-29,4%	-12,7%	3,8%
11	Sản phẩm từ cao su	7.264.115	-54,4%	-13,6%	2,4%
Tổng 11 mặt hàng chính		299.375.256	38,9%	36,1%	100,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang EU tháng 8/2021

TT	Loại sản phẩm	Tháng 8/2020		Tháng 8/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	2.976	1.786.501	2.365	1.818.225	-20,5%	1,8%
2	Gạo Japonica	526	322.445	753	530.393	43,0%	64,5%
3	Các loại gạo khác	338	257.351	132	130.117	-60,8%	-49,4%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang EU tháng 8/2021

TT	Sản phẩm	Tháng 8/2020	Tháng 8/2021	So sánh
		(USD)	(USD)	T8.2021/T8.2020
	Tổng giá trị XK	12.980.726	12.668.069	-2,4%
1	Chanh	3.034.245	2.430.680	-19,9%
2	Thanh long	961.931	1.498.859	55,8%
3	Xoài	1.009.687	1.065.408	5,5%
4	Dứa	492.884	785.922	59,5%
5	Dừa	958.561	624.423	-34,9%
6	Vải	368.142	596.343	62,0%
7	Khác	6.155.275	5.666.434	-7,9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường EU tháng 8/2021

Loại sản phẩm	Tháng 8/2020	Tháng 8/2021	So sánh
	(tr. USD)	(tr. USD)	2021/20 (%)
Cá da trơn	4.785.867,38	9.628.311,20	-50,30%
Cá ngừ	8.141.330,51	10.183.023,59	-20,00%
Cá rô phi	155.412,34	384.521,91	-59,60%
Mực và bạch tuộc	4.804.081,96	5.391.941,60	-10,90%
Tôm	38.739.091,98	58.908.765,69	-34,20%
Thủy sản khác	10.708.628,40	12.234.339,97	-12,47%
Tổng	67.334.412,57	97.532.679,87	-31,00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm cà phê sang thị trường EU tháng 8/2021

Mặt hàng	T8/2020 (USD)	T8/2021 (USD)	So sánh T8/2020 và T8/2021	Tỷ trọng T8/2021
Chưa rang chưa khử cafein	56.489	73.996	30,99%	87,47%
Chưa rang đã khử cafein	3.264	6.291	92,76%	7,44%
Đã rang chưa khử cafein	159	141	-11,55%	0,17%
Đã rang đã khử cafein	104	82	-20,93%	0,10%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	5.672	4.039	-28,79%	4,77%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	64	43	-32,69%	0,05%
Tổng	65.752	84.595	28,66%	100,00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan